

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v Ly hôn giữa chị H và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Dương Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:
Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp N, xã T. A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày như sau:

Do gia đình mai mối nên sau thời gian hai tháng chị H và anh L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2011. Đến ngày 03/6/2014 vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T.A.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm sau kết hôn, đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2015 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do anh L không chịu lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, chị H vừa bươn trải làm thuê làm mướn kiếm tiền trang trải cuộc sống gia đình vừa chăm lo cho con cái. Khi vợ có góp ý thì anh L không những không nghe mà còn tỏ ra ghen tuông, nhiều lần đánh đập vợ. Đến năm 2015 vợ chồng ly thân, anh L liên tục chặn đường hăm dọa đòi đánh thậm chí dùng dao đòi đâm chém vợ con. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị H xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Anh V, sinh ngày 21/12/2011 hiện đang sống với chị Hh. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H tiếp tục xin ly hôn với anh L; xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Đặng Văn L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục giấy chứng nhận kết hôn giấy khai sinh cháu Đặng Anh V (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị H và anh L trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn hiện đã ly thân. Hiện nay con chung ở với mẹ có cuộc sống sinh hoạt và học tập bình thường. Chị H đi làm có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn với anh L; đề nghị áp dụng Điều 81 Bộ luật tố tụng dân sự giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn với anh L, các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Anh L được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị H xin ly hôn với anh L và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại Ủy ban nhân dân xã T.A nên hôn nhân giữa chị H với anh L là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện

xin ly hôn của chị H, việc vắng mặt của anh L không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Qua lời trình bày của chị H và kết quả xác minh từ địa phương có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng bởi vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ, hơn nữa anh L còn có hành vi bạo hành vợ con từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã tự ly thân nhau trong thời gian dài, đến nay chị H không muốn tiếp tục chung sống với chồng do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị Hạnh ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Anh V, sinh ngày 21/12/2011. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Xét khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ sau khi vợ chồng ly thân chị H trực tiếp nuôi con, chị H đã chăm lo cho con có cuộc sống sinh hoạt, học tập bình thường, có nơi ăn chốn ở ổn định, chị H đi làm công nhân công việc có thu nhập ổn định và được sự hỗ trợ từ cha mẹ ruột nên có đủ điều kiện để tiếp tục chăm lo cho con chung. Đối với anh L kể từ khi vợ chồng ly thân anh chỉ qua lại thăm con trong thời gian đầu và khoảng 02 năm nay không còn tới lui thăm con cũng như phụ giúp kinh tế với vợ để nuôi con là chưa thể hiện hết trách nhiệm làm cha. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đặng Anh V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị H là phù hợp với điều kiện thực tế và tạo điều kiện tốt nhất cho con chung sau khi cha mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự đều xác định không có và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Đặng Văn L.

2/ Về con chung: Giao cháu Đặng Anh V, sinh ngày 21/12/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Lê phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu tiền số 0005652 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

6/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 31/10/2018). Anh Đặng Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T.A;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thơm